

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức, ông Y Dhiều Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2023, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng số 02/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 44/TB-TA ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nông Văn M, sinh năm 1981; có mặt

Trú tại: Thôn A, xã E, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Lưu Thị N, sinh năm 1984; có mặt

Trú tại: Thôn A, xã E, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nông Văn M trình bày có nội dung:

Ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ), tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó một thời gian đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau hằng ngày, sau đó thì

bà N bỏ đi không về ở chung với gia đình nữa và bà N có quan hệ và có con với người khác. Ông M và bà N đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay.

Để đảm bảo cuộc sống riêng tư của mỗi người và ổn định sinh sống làm ăn, ông Nông Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lưu Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N có ba con chung tên Nông Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2008, cháu Nông Thị Kim O, sinh ngày 26/02/2010 và cháu Nông Duy T, sinh ngày 11/10/2011. Hiện tại các con chung đang sống cùng với ông M.

Tại phiên tòa, ông M thừa nhận có thêm 01 con chung là Nông Phúc H, sinh ngày 24/4/2021.

Nguyên vọng của ông M về con chung: Ông M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cho cả 03 người con chung là H, O, T cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Ông Nông Văn M không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Nông Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án bà Lưu Thị N mặt dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đã làm thủ tục tố tụng đối với việc vắng mặt của bà N, tại phiên tòa hôm nay bà N có mặt trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà N đồng ý với phần trình bày của ông Nông Văn M, bà với ông M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Krông Búk (nay là thị xã Buôn Hồ), tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà N là do bất đồng quan điểm sống với nhau hằng ngày, vợ chồng không hiểu nhau nên dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Ông M và bà N đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay.

Nay ông M có đơn xin ly hôn với bà N thì bà N đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N có bốn con chung tên cháu Nông Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2008, cháu Nông Thị Kim O, sinh ngày 26/02/2010, cháu Nông Duy T, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Nông Phúc H, sinh ngày 24/4/2020. Hiện tại con chung Nông Thị Thu H, Nông Thị Kim O, cháu Nông Duy T đang sống cùng với ông M, còn cháu Nông Phúc H đang sống cùng bà N.

Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cho cả 03 người con chung là H, O và H cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 16-02-2023 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo và đơn trình bày ý kiến về việc không lựa chọn hòa giải, không lựa chọn hòa giải viên; Ngày 20-02-2023 Tòa án ra thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 24-02-2023 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông Nông Văn M xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N bỏ đi không về chung sống với gia đình nữa. Ông M và bà N đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N thì địa phương cung cấp quá trình chung sống giữa ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì ban tự quản không nắm được, nhưng hiện nay ông M và bà N đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay.

Tại phiên tòa, ông M và bà N thuận tình ly hôn, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa ông M và bà N là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng thừa nhận có bốn con

chung là Nông Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2008, cháu Nông Thị Kim O, sinh ngày 26/02/2010, cháu Nông Duy T, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Nông Phúc H sinh ngày 24/4/2021. Các con chung là H, O, T có nguyện vọng ở với ông M và sống ổn định cùng với ông M từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, để đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý bình thường của các con chung và điều kiện kinh tế của ông M và bà N, nên HĐXX xét thấy cần giao các con chung là cháu Nông Thị Thu H, Nông Thị Kim O và cháu Nông Duy T cho ông Nông Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao con chung là cháu Nông Phúc H cho bà Lưu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn ông Nông Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn bà Lưu Thị N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nông Phúc H cho bà Lưu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là 18 tuổi.

Giao các con chung là cháu Nông Thị Thu H, Nông Thị Kim O và cháu Nông Duy T cho ông Nông Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đủ 18 tuổi.

Ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung: Ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Nông Văn M và bà Lưu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nông Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0018433 ngày 24-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Bị đơn bà Lưu Thị N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- THADS thị xã;
- UBND xã E;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Kim Chung